



**FDVN LAW FIRM**

# TỔNG HỢP 91 THỜI HIỆU, THỜI HẠN KHÁC TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÌNH SỰ (PHẦN 3)



**CÔNG TY LUẬT FDVN**

*Feel free to go with the truth*



fdvnlawfirm@gmail.com 0935643666

No 99 Nguyen Huu Tho, Hai Chau, Da Nang

www.fdvn.vn | www.fdvnlawfirm.vn | www.diendanngheluat.vn

# 15 THỜI HẠN QUY ĐỊNH VỀ THI HÀNH ÁN TỬ HÌNH, XÉT THA TỬ TRƯỚC THỜI HẠN CÓ ĐIỀU KIỆN, XÓA ÁN TÍCH

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN	CĂN CỨ
<b>THỦ TỤC XEM XÉT BẢN ÁN TỬ HÌNH TRƯỚC KHI THI HÀNH</b>			
01	Sau khi đã xem xét hồ sơ vụ án để quyết định kháng nghị hoặc quyết định không kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm, Tòa án nhân dân tối cao phải chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Sau khi nhận được hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải trả lại hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tối cao	01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án	Điểm b Khoản 1 Điều 367 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
02	Sau khi nhận được hồ sơ vụ án, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải quyết định kháng nghị hoặc quyết định không kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm	02 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án	Điểm c Khoản 1 Điều 367 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
03	Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, người bị kết án được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước	07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật	Điểm d Khoản 1 Điều 367 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
<b>THỦ TỤC XÉT THA TỬ TRƯỚC THỜI HẠN CÓ ĐIỀU KIỆN</b>			
04	Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu phải ra văn bản thể hiện quan điểm về việc đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện của cơ quan đề nghị.	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn	Khoản 3 Điều 368 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
05	Trường hợp Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan lập hồ sơ bổ sung tài liệu thì cơ quan lập hồ sơ phải bổ sung tài liệu và gửi cho Viện kiểm sát, Tòa án.	03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu	Khoản 3 Điều 368 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
06	Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu phải mở phiên họp xét tha tù trước thời hạn có điều kiện; đồng thời thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp để cử Kiểm sát viên tham gia phiên họp.	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan đề nghị tha tù trước thời hạn	Khoản 4 Điều 368 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
07	Trường hợp Tòa án yêu cầu cơ quan lập hồ sơ bổ sung tài liệu thì cơ quan lập hồ sơ phải bổ sung tài liệu và gửi cho Tòa án, Viện kiểm sát.	03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tha tù trước thời hạn	Khoản 4 Điều 368 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015



# 15 THỜI HẠN QUY ĐỊNH VỀ THI HÀNH ÁN TỬ HÌNH, XÉT THA TỬ TRƯỚC THỜI HẠN CÓ ĐIỀU KIỆN, XÓA ÁN TÍCH

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN	CĂN CỨ
<b>THỦ TỤC XÉT THA TỬ TRƯỚC THỜI HẠN CÓ ĐIỀU KIỆN</b>			
08	Tòa án phải gửi quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện cho phạm nhân, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, cơ quan đã lập hồ sơ đề nghị, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cấp quân khu, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định có trụ sở.	03 ngày kể từ ngày ra quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện	Khoản 8 Điều 368 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
09	Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được tha tù trước thời hạn về cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó trong trường hợp người được tha tù trước thời hạn vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 66 của Bộ luật hình sự thì Tòa án phải mở phiên họp để xem xét, quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện và buộc người đó phải chấp hành phần hình phạt tù còn lại chưa chấp hành.	05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị	Khoản 10 Điều 368 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
10	Tòa án phải gửi quyết định hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện cho cơ quan, cá nhân quy định tại Khoản 8 Điều 368 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.	03 ngày kể từ ngày ra quyết định hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện	Khoản 10 Điều 368 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015



# 15 THỜI HẠN QUY ĐỊNH VỀ THI HÀNH ÁN TỬ HÌNH, XÉT THA TỬ TRƯỚC THỜI HẠN CÓ ĐIỀU KIỆN, XÓA ÁN TÍCH

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN	CĂN CỨ
<b>THỦ TỤC XÓA ÁN TÍCH</b>			
11	Khi nhận được yêu cầu của người được đương nhiên xóa án tích và xét thấy có đủ điều kiện quy định tại Điều 70 của Bộ luật hình sự thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp phiếu lý lịch tư pháp là họ không có án tích.	05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được đương nhiên xóa án tích và xét thấy có đủ điều kiện quy định tại Điều 70 của Bộ luật hình sự	Khoản 1 Điều 369 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
12	Tòa án đã xét xử sơ thẩm chuyên tài liệu về việc xin xoá án tích cho Viện kiểm sát cùng cấp.	03 ngày kể từ ngày nhận được đơn của người bị kết án	Khoản 2 Điều 369 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
13	Sau khi nhận tài liệu về việc xin xoá án tích do Tòa án chuyển đến, Viện kiểm sát cùng cấp có ý kiến bằng văn bản và chuyển lại tài liệu cho Tòa án.	05 ngày kể từ ngày nhận tài liệu do Tòa án chuyển đến	Khoản 2 Điều 369 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
14	Nếu xét thấy đủ điều kiện, Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm phải ra quyết định xóa án tích; trường hợp chưa đủ điều kiện thì quyết định bác đơn xin xóa án tích.	05 ngày kể từ ngày nhận tài liệu do Viện kiểm sát chuyển đến	Khoản 2 Điều 369 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
15	Tòa án đã ra quyết định xóa án tích hoặc quyết định bác đơn xin xóa án tích phải gửi quyết định này cho người bị kết án, Viện kiểm sát cùng cấp, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi họ cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi họ làm việc, học tập.	05 ngày kể từ ngày ra quyết định xóa án tích hoặc quyết định bác đơn xin xóa án tích	Khoản 2 Điều 369 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015

# 06 THỜI HẠN THEO THỦ TỤC ĐẶC BIỆT TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN	CĂN CỨ
<b>ÁP DỤNG BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN, BIỆN PHÁP CƯỜNG CHẾ ĐỐI VỚI NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI LÀ NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI</b>			
01	Khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, người ra lệnh giữ, lệnh hoặc quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam người dưới 18 tuổi phải thông báo cho người đại diện của họ biết.	<i>24 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam</i>	<i>Khoản 5 Điều 419 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015</i>
<b>TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI</b>			
02	Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải giao quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, cho người bị áp dụng biện pháp này, cha mẹ hoặc người đại diện của họ và chính quyền xã, phường, thị trấn nơi họ cư trú.	<i>03 ngày kể từ ngày ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn</i>	<i>Khoản 3 Điều 429 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015</i>

# 06 THỜI HẠN THEO THỦ TỤC ĐẶC BIỆT TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN	CĂN CỨ
<b>TẠM ĐÌNH CHỈ CÓ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA PHÁP NHÂN LIÊN QUAN ĐẾN HÀNH VI PHẠM TỘI CỦA PHÁP NHÂN; BUỘC NỘP MỘT KHOẢN TIỀN ĐỂ BẢO ĐẢM THI HÀNH ÁN</b>			
03	Thời hạn tạm đình chỉ hoạt động của pháp nhân không được quá thời hạn điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.	<i>Theo quy định về thời hạn điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.</i>	<i>Khoản 1 Điều 439 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015</i>
04	Thời hạn tạm đình chỉ đối với pháp nhân bị kết án.	<i>Không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm pháp nhân chấp hành án.</i>	<i>Khoản 1 Điều 439 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015</i>
<b>THỦ TỤC ĐƯƠNG NHIÊN XÓA ÁN TÍCH ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN</b>			
05	Trường hợp sau khi nhận được yêu cầu của pháp nhân được đương nhiên xóa án tích và xét thấy có đủ điều kiện quy định tại Điều 89 của Bộ luật hình sự thì Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án cấp giấy chứng nhận pháp nhân đã được xóa án tích.	<i>05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của pháp nhân được đương nhiên xóa án tích và xét thấy có đủ điều kiện quy định tại Điều 89 của Bộ luật hình sự</i>	<i>Điều 446 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015</i>
<b>ÁP DỤNG BIỆN PHÁP BẮT BUỘC CHỮA BỆNH TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA</b>			
06	Sau khi nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan điều tra cùng kết luận giám định, Viện kiểm sát quyết định áp dụng biện pháp chữa bệnh đối với bị can hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại nếu thấy chưa đủ căn cứ để quyết định.	<i>03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan điều tra cùng kết luận giám định</i>	<i>Khoản 1 Điều 449 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015</i>

# 22 THỜI HẠN TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO THỦ TỤC RÚT GỌN

FDVN LAW FIRM

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN	CĂN CỨ
<b>QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG THỦ TỤC RÚT GỌN</b>			
01	Khi vụ án có đủ điều kiện quy định tại Điều 456 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải ra quyết định áp dụng thủ tục rút gọn.	24 giờ kể từ khi vụ án có đủ điều kiện quy định tại Điều 456 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015	Khoản 1 Điều 457 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
02	Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn được giao cho bị can, bị cáo hoặc người đại diện của họ, gửi cho người bào chữa.	24 giờ kể từ khi ra Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn	Khoản 2 Điều 457 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
03	Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn của Cơ quan điều tra, Tòa án được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp.	24 giờ kể từ khi ra Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn	Khoản 2 Điều 457 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
	Trường hợp xét thấy quyết định áp dụng thủ tục rút gọn của Cơ quan điều tra không đúng pháp luật thì khi nhận được quyết định, Viện kiểm sát phải ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn và gửi cho Cơ quan điều tra.	24 giờ kể từ khi ra Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn	Khoản 3 Điều 457 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
04	Trường hợp xét thấy quyết định áp dụng thủ tục rút gọn của Tòa án không đúng pháp luật thì Viện kiểm sát kiến nghị với Chánh án Tòa án đã ra quyết định. Chánh án Tòa án phải xem xét, trả lời khi nhận được kiến nghị của Viện kiểm sát.	24 giờ kể từ khi nhận được kiến nghị của Viện kiểm sát	Khoản 4 Điều 457 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
05	Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn có thể bị khiếu nại. Bị can, bị cáo hoặc người đại diện của họ có quyền khiếu nại quyết định áp dụng thủ tục rút gọn.	05 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn	Khoản 5 Điều 457 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
06	Khiếu nại được gửi đến Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án đã ra quyết định áp dụng thủ tục rút gọn và phải được giải quyết theo quy định của pháp luật	03 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 5 Điều 457 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015

# 22 THỜI HẠN TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO THỦ TỤC RÚT GỌN

FVDVN LAW FIRM

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN	CĂN CỨ
<b>TẠM GIỮ, TẠM GIAM ĐỂ ĐIỀU TRA, TRUY TỐ, XÉT XỬ</b>			
07	Thời hạn Cơ quan điều tra nhận người bị bắt tạm giữ để điều tra, truy tố theo thủ tục rút gọn	03 ngày kể từ ngày Cơ quan điều tra nhận người bị bắt	Khoản 1 Điều 459 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
08	Thời hạn tạm giam trong giai đoạn điều tra theo thủ tục rút gọn	Không quá 20 ngày	Khoản 3 Điều 459 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
09	Thời hạn tạm giam trong giai đoạn truy tố theo thủ tục rút gọn	Không quá 05 ngày	Khoản 3 Điều 459 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
10	Thời hạn tạm giam trong giai đoạn truy tố xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn	Không quá 17 ngày	Khoản 3 Điều 459 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
11	Thời hạn tạm giam trong giai đoạn truy tố xét xử phúc thẩm theo thủ tục rút gọn	Không quá 22 ngày	Khoản 3 Điều 459 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
<b>ĐIỀU TRA THEO THỦ TỤC RÚT GỌN</b>			
12	Thời hạn điều tra theo thủ tục rút gọn	20 ngày kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án	Khoản 1 Điều 460 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
13	Cơ quan điều tra phải giao Quyết định đề nghị truy tố cho bị can hoặc người đại diện của bị can, gửi cho người bào chữa, bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ và chuyển quyết định đề nghị truy tố cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát.	24 giờ kể từ khi ra quyết định đề nghị truy tố	Khoản 3 Điều 460 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
<b>QUYẾT ĐỊNH TRUY TỐ THEO THỦ TỤC RÚT GỌN</b>			
14	Sau khi nhận được quyết định đề nghị truy tố và hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát ra một trong các quyết định: a) Truy tố bị can trước Tòa án bằng quyết định truy tố; b) Không truy tố bị can và ra quyết định đình chỉ vụ án; c) Trả hồ sơ để điều tra bổ sung; d) Tạm đình chỉ vụ án; đ) Đình chỉ vụ án.	05 ngày kể từ ngày nhận được quyết định đề nghị truy tố và hồ sơ vụ án	Khoản 1 Điều 461 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
15	Viện kiểm sát phải giao quyết định truy tố cho bị can hoặc người đại diện của họ; gửi cho Cơ quan điều tra, người bào chữa, bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ và chuyển quyết định truy tố cùng hồ sơ vụ án cho Tòa án.	24 giờ kể từ khi ra quyết định truy tố	Khoản 3 Điều 461 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015

# 22 THỜI HẠN TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO THỦ TỤC RÚT GỌN

FVDN LAW FIRM

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN	CĂN CỨ
<b>CHUẨN BỊ XÉT XỬ SƠ THẨM</b>			
16	Thẩm phán được phân công xét xử ra một trong các quyết định: a) Đưa vụ án ra xét xử; b) Trả hồ sơ để điều tra bổ sung; c) Tạm đình chỉ vụ án; d) Đình chỉ vụ án.	10 ngày kể từ ngày thụ lý vụ án	Khoản 1 Điều 462 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
17	Trường hợp quyết định đưa vụ án ra xét xử thì Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vụ án.	07 ngày kể từ ngày ra quyết định	Khoản 2 Điều 462 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
18	Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát cùng cấp; giao cho bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo; gửi cho người bào chữa, bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ.	24 giờ kể từ khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử	Khoản 3 Điều 462 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
<b>CHUẨN BỊ XÉT XỬ PHỨC THẨM</b>			
19	Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án phải chuyển ngay hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp. Viện kiểm sát phải trả hồ sơ vụ án cho Tòa án.	05 ngày	Khoản 1 Điều 464 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
20	Thẩm phán được phân công xét xử ra một trong các quyết định: a) Đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm; b) Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án.	15 ngày kể từ ngày thụ lý vụ án	Khoản 2 Điều 464 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
21	Trường hợp quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm thì Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vụ án.	07 ngày kể từ ngày ra quyết định	Khoản 3 Điều 464 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
22	Tòa án cấp phúc thẩm phải gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát cùng cấp, người bào chữa; giao cho bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo, bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ.	24 giờ kể từ khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử	Khoản 4 Điều 464 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015

# 41 THỜI HẠN KHIẾU NẠI, TỔ CÁO TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN	CĂN CỨ
<b>THẨM QUYỀN VÀ THỜI HẠN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH, HÀNH VI TỔ TỤNG TRONG VIỆC GIỮ NGƯỜI TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP, BẮT, TẠM GIỮ, TẠM GIAM</b>			
01	Khiếu nại đối với lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, lệnh bắt, quyết định tạm giữ, lệnh tạm giam, quyết định tạm giam, quyết định phê chuẩn việc bắt, quyết định gia hạn tạm giữ, quyết định gia hạn tạm giam và khiếu nại các hành vi thực hiện các lệnh và quyết định đó phải được giải quyết theo thời hạn quy định của pháp luật.	24 giờ kể từ khi nhận được khiếu nại	Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
02	Trường hợp cần phải có thời gian để xác minh thêm.	không được quá 03 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
03	Cơ quan, người có thẩm quyền trong việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam phải chuyển ngay cho Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án, vụ việc khiếu nại của người bị giữ, người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam.	24 giờ kể từ khi nhận được khiếu nại	Khoản 2 Điều 474 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
04	Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Viện trưởng Viện kiểm sát thì người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao nếu việc giải quyết khiếu nại lần đầu do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh giải quyết.	03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại	Khoản 2 Điều 474 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
05	Khi nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải xem xét, giải quyết.	07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 2 Điều 474 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
06	Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tổ tụng của Viện trưởng Viện kiểm sát trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam do Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, giải quyết nếu quyết định, hành vi tổ tụng bị khiếu nại là của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh. Khi nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải xem xét, giải quyết.	07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp	Khoản 2 Điều 474 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015



# 41 THỜI HẠN KHIẾU NẠI, TỔ CÁO TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

FDVN LAW FIRM

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN	CĂN CỨ
<b>THẨM QUYỀN VÀ THỜI HẠN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH, HÀNH VI TỔ TỤNG TRONG VIỆC GIỮ NGƯỜI TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP, BẮT, TẠM GIỮ, TẠM GIAM</b>			
07	Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chánh án thì người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Chánh án Tòa án trên một cấp.	03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại	Khoản 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
08	Chánh án Tòa án trên một cấp phải xem xét, giải quyết khiếu nại	07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
09	Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tổ tụng của Chánh án Tòa án trong việc bắt, tạm giam do Chánh án Tòa án trên một cấp xem xét, giải quyết. Chánh án Tòa án trên một cấp phải xem xét, giải quyết.	07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
<b>THẨM QUYỀN VÀ THỜI HẠN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI ĐỐI VỚI ĐIỀU TRA VIÊN, CÁN BỘ ĐIỀU TRA, PHÓ THỦ TRƯỞNG VÀ THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐIỀU TRA, NGƯỜI ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ TIẾN HÀNH MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA</b>			
10	Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tổ tụng của Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra trừ khiếu nại về việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam do Thủ trưởng Cơ quan điều tra xem xét, giải quyết.	07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 1 Điều 475 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
11	Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết của Thủ trưởng Cơ quan điều tra thì người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp.	03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại	Khoản 1 Điều 475 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
12	Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phải xem xét, giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại	07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 1 Điều 475 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
13	Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tổ tụng của Thủ trưởng Cơ quan điều tra và các quyết định tổ tụng của Cơ quan điều tra đã được Viện kiểm sát phê chuẩn do Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp giải quyết.	07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 1 Điều 475 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015



# 41 THỜI HẠN KHIẾU NẠI, TỔ CÁO TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

FDVN LAW FIRM

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN	CĂN CỨ
<b>THẨM QUYỀN VÀ THỜI HẠN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH, HÀNH VI TỔ TỤNG TRONG VIỆC GIỮ NGƯỜI TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP, BẮT, TẠM GIỮ, TẠM GIAM</b>			
14	Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết của Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp thì người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao nếu việc giải quyết khiếu nại lần đầu do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh giải quyết.	03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại	Khoản 1 Điều 475 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
15	Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải xem xét, giải quyết của người khiếu nại.	15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 1 Điều 475 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
16	Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tổ tụng của cấp phó, cán bộ điều tra của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trừ việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ do cấp trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra xem xét, giải quyết.	07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 2 Điều 475 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
17	Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết của cấp trưởng thì người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra.	03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại	Khoản 2 Điều 475 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
18	Khi nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát phải xem xét, giải quyết.	07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 2 Điều 475 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
19	Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tổ tụng của cấp trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra do Viện trưởng Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra xem xét, giải quyết thì khi nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát phải xem xét, giải quyết.	07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 2 Điều 475 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015



# 41 THỜI HẠN KHIẾU NẠI, TỔ CÁO TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

FDVN LAW FIRM

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN	CĂN CỨ
<b>THẨM QUYỀN VÀ THỜI HẠN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI ĐỐI VỚI KIỂM SÁT VIÊN, KIỂM TRA VIÊN, PHÓ VIỆN TRƯỞNG VÀ VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT</b>			
20	Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tổ tụng của Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát do Viện trưởng Viện kiểm sát xem xét, giải quyết.	07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 1 Điều 476 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
21	Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết của Viện trưởng Viện kiểm sát thì người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp.	03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại	Khoản 1 Điều 476 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
22	Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp phải xem xét, giải quyết khiếu nại của người khiếu nại.	15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 1 Điều 476 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
23	Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tổ tụng của Viện trưởng Viện kiểm sát do Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết.	15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 2 Điều 476 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
24	Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tổ tụng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, truy tố do Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, giải quyết.	15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Điểm a Khoản 3 Điều 476 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
25	Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tổ tụng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử do Viện kiểm sát nhân dân cấp cao xem xét, giải quyết.	15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Điểm b Khoản 3 Điều 476 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
26	Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tổ tụng của Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên và Kiểm tra viên công tác tại Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên và Kiểm tra viên công tác tại Viện kiểm sát quân sự trung ương, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương xem xét, giải quyết.	15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 4 Điều 476 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015



# 41 THỜI HẠN KHIẾU NẠI, TỔ CÁO TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

FDVN LAW FIRM

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN	CĂN CỨ
<b>THẨM QUYỀN VÀ THỜI HẠN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI ĐỐI VỚI THẨM PHÁN, THẨM TRA VIÊN, PHÓ CHÁNH ÁN VÀ CHÁNH ÁN TÒA ÁN</b>			
27	Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án quân sự khu vực trước khi mở phiên tòa do Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh án Tòa án quân sự khu vực giải quyết.	07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 1 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
28	Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh án Tòa án quân sự khu vực thì người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu.	03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại	Khoản 1 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
29	Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu phải xem xét, giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại.	15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 1 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
30	Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh án Tòa án quân sự khu vực trước khi mở phiên tòa do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu xem xét, giải quyết.	15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 1 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
31	Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu trước khi mở phiên tòa do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu xem xét, giải quyết.	07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 2 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
32	Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu thì người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương xem xét, giải quyết.	03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại,	Khoản 2 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
33	Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao trước khi mở phiên tòa do Chánh án Tòa án cấp cao xem xét, giải quyết.	07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 2 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015



# 41 THỜI HẠN KHIẾU NẠI, TỔ CÁO TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

FDVN LAW FIRM

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN	CĂN CỨ
<b>THẨM QUYỀN VÀ THỜI HẠN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI ĐỐI VỚI THẨM PHÁN, THẨM TRA VIÊN, PHÓ CHÁNH ÁN VÀ CHÁNH ÁN TÒA ÁN</b>			
34	Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao thì người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, giải quyết	03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại	Khoản 2 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
35	Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, giải quyết khiếu nại của người khiếu nại	15 ngày.	Khoản 2 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
36	Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu do Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương xem xét, giải quyết.	15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 2 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
37	Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm tra viên công tác tại Tòa án nhân dân tối cao, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán và Thẩm tra viên công tác tại Tòa án quân sự trung ương, Phó Chánh án Tòa án quân sự trung ương do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương xem xét, giải quyết.	15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại	Khoản 3 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
<b>THẨM QUYỀN VÀ THỜI HẠN GIẢI QUYẾT TỔ CÁO</b>			
38	Thời hạn giải quyết tố cáo.	Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được tố cáo	Khoản 3 Điều 481 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
39	Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết tố cáo có thể kéo dài.	Không quá 60 ngày.	Khoản 3 Điều 481 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
40	Tố cáo liên quan đến hành vi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam trong giai đoạn điều tra, truy tố phải được Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét, giải quyết.	24 giờ kể từ khi nhận được tố cáo	Khoản 4 Điều 481 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
41	Thời hạn xem xét, giải quyết trong trường hợp phải xác minh thêm.	không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được tố cáo	Khoản 4 Điều 481 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015

# 07 THỜI HẠN CỦA MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

FVDN LAW FIRM

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN	CĂN CỨ
<b>TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XEM XÉT, XỬ LÝ YÊU CẦU TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÔNG DÂN VIỆT NAM BỊ TỪ CHỐI DẪN ĐỘ</b>			
01	Tòa án đã ra quyết định từ chối dẫn độ chuyển hồ sơ và các tài liệu kèm theo của nước ngoài đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao để xem xét việc truy cứu trách nhiệm hình sự.	10 ngày kể từ ngày ra quyết định từ chối dẫn độ công dân Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Khoản 1 Điều 499 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
<b>TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XEM XÉT YÊU CẦU THI HÀNH BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH HÌNH SỰ CỦA TÒA ÁN NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI CÔNG DÂN VIỆT NAM BỊ TỪ CHỐI DẪN ĐỘ</b>			
02	Khi nhận được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về việc thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ, Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã ra quyết định từ chối dẫn độ xem xét yêu cầu của nước ngoài.	30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về việc thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ	Khoản 1 Điều 501 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
03	Sau khi ra quyết định cho thi hành hoặc không cho thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài, Tòa án nhân dân cấp tỉnh gửi quyết định cho người bị yêu cầu thi hành, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Bộ Công an để thực hiện.	Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày ra quyết định cho thi hành hoặc không cho thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài	Khoản 5 Điều 501 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
04	Người bị yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị.	15 ngày kể từ ngày Tòa án nhân dân cấp tỉnh ra quyết định	Khoản 5 Điều 501 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015
05	Tòa án nhân dân cấp tỉnh phải gửi hồ sơ và kháng cáo, kháng nghị cho Tòa án nhân dân cấp cao.	07 ngày kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị	Khoản 5 Điều 501 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015

# 07 THỜI HẠN CỦA MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

STT

NỘI DUNG

THỜI HẠN

CĂN CỨ

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XEM XÉT YÊU CẦU THI HÀNH BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH HÌNH SỰ CỦA TÒA ÁN NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI CÔNG DÂN VIỆT NAM BỊ TỪ CHỐI DẪN ĐỘ**

06

Sau khi nhận được hồ sơ xem xét yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án nhân dân cấp cao mở phiên họp xem xét quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh bị kháng cáo, kháng nghị.

*20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ xem xét yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài có kháng cáo, kháng nghị*

*Khoản 6 Điều 501 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015*

**Hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn đối với người bị dẫn độ**

07

Khi Tòa án có thẩm quyền quyết định từ chối dẫn độ hoặc hết thời hạn thi hành quyết định dẫn độ có hiệu lực mà nước yêu cầu dẫn độ không tiếp nhận người bị dẫn độ thì mọi biện pháp ngăn chặn đã áp dụng đều phải được hủy bỏ.

*Khi Tòa án có thẩm quyền quyết định từ chối dẫn độ hoặc hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định thi hành quyết định dẫn độ có hiệu lực mà nước yêu cầu dẫn độ không tiếp nhận người bị dẫn độ*

*Khoản 1 Điều 506 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015*